

MA TRẬN KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II – MÔN SINH HỌC 12

1. Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm + Tự luận

2. Cấu trúc:

- Mức độ đề: 30% Nhận biết (14 lệnh hỏi); 40% Thông hiểu (8 lệnh hỏi); 20% Vận dụng (8 lệnh hỏi).

- **Câu hỏi trắc nghiệm:** 22 câu, 28 lệnh hỏi. Trong đó:

+ Phần I gồm 16 câu dạng trắc nghiệm 1 chọn đúng: Mỗi câu là 1 lệnh hỏi

+ Phần II gồm 2 câu dạng trắc nghiệm 4 lựa chọn Đúng/Sai: Mỗi câu là 4 lệnh hỏi.

+ Phần III gồm 4 câu dạng trắc nghiệm điền số: Mỗi câu là 1 lệnh hỏi.

Giới hạn định dạng câu trả lời là một giá trị bằng số, có tối đa 4 ký tự (gồm cả số, dấu âm, dấu phẩy).

+ Phần IV gồm 3 câu hỏi tự luận: viết câu trả lời

- **Số lệnh hỏi/năng lực:**

+ Nhận thức Sinh học: 20 (65%)

+ Tìm hiểu thế giới sống: 6 (20%)

+ Vận dụng kiến thức kỹ năng đã học: 5 (15%)

3. Cách tính điểm:

Phần I (16 câu): Mỗi câu trả lời đúng học sinh được 0,25 điểm

Phần II (2 câu):

- Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm;

- Học sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 01 câu hỏi được 1,0 điểm.

Phần III (4 câu): Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm.

Phần IV: (3 câu)

4. Xác định số câu cho mỗi chủ đề/nội dung và từng mức độ

Chủ đề/Bài học		Số câu (lệnh hỏi)/dạng thức trắc nghiệm									Tổng
		Dạng thức 1		Dạng thức 2			Dạng thức 3		Dạng thức 4		
		Nhận biết	Thông hiểu	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Thông hiểu	Vận dụng	Nhận biết	Thông hiểu	
Bài 20: Môi trường và các nhân tố sinh thái	- Môi trường sống sinh vật	1 NT1									1
	- Nhân tố sinh thái		2 NT2-5 hoặc TH1-3	1 NT1							3
	- Nhịp sinh học										
Bài 21: Quần thể sinh vật	- Khái niệm và mối quan hệ giữa các cá thể trong quần thể										
	- Các đặc trưng cơ bản của quần thể	2 NT1-3	1TH3				1NT4 hoặc TH2				4

	- Sự tăng trưởng của quần thể		1 TH2								1
Bài 23: Quần xã sinh vật	- Khái niệm và các đặc trưng cơ bản của quần xã	1 NT4	1 TH1	2NT4-5 hoặc TH2	1TH2	1VD1					
	- Ổ sinh thái										
	- Tác động của con người lên quần xã sinh vật							1TH4 hoặc VD1			
Bài 25: Hệ sinh thái	- Khái quát về hệ sinh thái		1 TH1						1NT1-2		
	- Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng trong hệ sinh thái	2 NT1-2	1 NT3 hoặc TH2				2 NT6-8 hoặc TH2-4			2TH4-5 hoặc VD1	
	- Chu trình sinh địa hóa	1 NT1	1 NT6 hoặc TH2								
	- Sự biến động của hệ sinh thái và sinh quyển	1 NT1-3		2NT1-4 hoặc TH2	1TH2 hoặc VD1	1VD2					
Tổng số câu/lệnh hỏi		16 câu (16 ý hỏi)		2 câu (mỗi câu 4 ý hỏi)			4 câu (4 ý hỏi)		3 câu		31
Tổng số điểm		4,0		2,0			1,0		3,0		10
Tỉ lệ (%)		40		20			10		30		100

5. Bản đặc tả đề kiểm tra giữa học kì 2

Chủ đề/Bài học		Mức độ năng lực cần đánh giá	Số câu (lệnh hỏi)/năng lực sinh học								Tổng	
			Dạng thức 1		Dạng thức 2			Dạng thức 3		Dạng thức 3		
			Nhận biết	Thông hiểu	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Thông hiểu	Vận dụng	Nhận biết		Thông hiểu
Chương 6: Môi trường và quần thể sinh vật	Bài 20: Môi trường và các nhân tố sinh thái	* Năng lực nhận thức Sinh học: – Phát biểu được khái niệm môi trường sống của sinh vật.	1 NT1	2 NT2-5 hoặc TH1-3	1 NT1							4

		* Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng hiểu biết về quy luật tác động của nhân tố sinh thái để giải thích một số vấn đề thực tiễn.										
	Bài 21: Quần thể sinh vật	* Năng lực nhận thức Sinh học: - Phát biểu được khái niệm quần thể sinh vật (dưới góc độ sinh thái học). Lấy được ví dụ minh họa. – Nêu được các mối quan hệ hỗ trợ và cạnh tranh trong quần thể. Lấy được ví dụ minh họa – Trình bày được các đặc trưng cơ bản của quần thể sinh vật (số lượng cá thể, kích thước quần thể, tỉ lệ giới tính, nhóm tuổi, kiểu phân bố, mật độ cá thể). – Phân biệt được các kiểu tăng trưởng quần thể sinh vật (tăng trưởng theo tiềm năng sinh học và tăng trưởng trong môi trường có nguồn sống bị giới hạn).	2 NT1-3	2 TH2-3				1NT4 hoặc TH2				5

[illegible]

		cao chất lượng đời sống con người.										
Chương 7. Sinh thái học quần xã	Bài 23. Quần xã sinh vật	* Năng lực nhận thức Sinh học: - Tái hiện được định nghĩa quần xã sinh vật. - Nhận ra được các đặc trưng cơ bản của quần xã: - Nhận ra được các ví dụ về quan hệ cộng sinh, hội sinh, hợp tác; cạnh tranh, kí sinh, ức chế cảm nhiễm, sinh vật ăn sinh vật. - Tái hiện được khái niệm về không chế sinh học và nhận biết được ví dụ về không chế sinh học. * Năng lực tìm hiểu thế giới sống: - Phát hiện được các đặc trưng của quần xã thông qua các ví dụ cụ thể. - Phân biệt được loài ưu thế và loài đặc trưng. - Phân biệt được mối quan hệ giữa các sinh vật trong quần xã.	1 NT4	1 TH1	2NT4-5 hoặc TH2	1TH2	1VD1		1TH4 hoặc VD1			7

[illegible]

		phong và giai đoạn đỉnh cực). - Hiểu các ví dụ về diễn thế nguyên sinh và thứ sinh trong SGK.										
	Bài 25. Hệ sinh thái và trao đổi vật chất, chuyển hóa năng lượng trong hệ sinh thái	* Năng lực nhận thức Sinh học: - Tái hiện được khái niệm về diễn thế sinh thái. - Nhận ra được các thành cấu trúc của hệ sinh thái. + Thành phần vô sinh: vật chất vô cơ, vật chất hữu cơ, yếu tố khí hậu. + Thành phần hữu sinh: 3 nhóm sinh vật (Sinh vật sản xuất, sinh vật tiêu thụ, sinh vật phân giải). - Nhận ra được các kiểu hệ sinh thái. + Hệ sinh thái tự nhiên: HST trên cạn, HST dưới nước; HST nước mặn, nước ngọt...). + Hệ sinh thái nhân tạo * Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: - Phân biệt được vai trò của các thành phần cấu trúc của hệ sinh thái.	3 NT1-2	3 NT3-6 hoặc TH1-2				2 NT6-8 hoặc TH2-4		1NT1-2	2 TH4-5 hoặc VD1	11

		- Phân biệt được hệ sinh thái tự nhiên và hệ sinh thái nhân tạo. - Lấy được các ví dụ về hệ sinh thái tự nhiên và hệ sinh thái nhân tạo. * Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: - Có hành vi, thái độ thích hợp bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên										
	Sự biến động của hệ sinh thái và sinh quyển	* Năng lực nhận thức Sinh học: - Tái hiện được khái niệm diễn thế sinh thái, nhớ được nguyên nhân các dạng diễn thế và ý nghĩa của diễn thế sinh thái. - Nhận ra được ví dụ về diễn thế nguyên sinh và diễn thế thứ sinh. * Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: - Phân tích được một số hoạt động khai thác tài nguyên của con người gây ra diễn thế sinh thái.	1 NT1-3		2 NT1-4 hoặc TH2	1 TH2 hoặc VD1	1VD2					5

		- Trình bày được thứ tự diễn ra diễn thế nguyên sinh và thứ sinh. (Giai đoạn đầu – Giai đoạn giữa – Giai đoạn cuối). - Phân biệt diễn thế nguyên sinh và diễn thế thứ sinh (Khác nhau cụ thể ở giai đoạn tiên phong và giai đoạn đỉnh cực). - Chủ động điều khiển diễn thế theo hướng có lợi cho phép khai thác, sử dụng hợp lí các nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường phát triển bền vững.									
	Tổng số		16 câu (16 ý hỏi)	2 câu (mỗi câu 4 ý hỏi)	4 câu (4 ý hỏi)	3 câu (3 ý hỏi)	31				